TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 157/2018/HC-PT
Ngày 09 - 10 - 2018
V/v khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quốc Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Hoàng Hải An** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*** Ông **Đoàn Ngọc Thanh -** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 68/TLPT-HC ngày 18 tháng 5 năm 2018 về khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 11/2017/HC-ST ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68B/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Phan Thanh C, sinh năm 1956; trú tại địa chỉ: Đội 7 thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. *Người bị kiện*:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần C, chức vụ Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định (*theo văn bản ủy quyền số 3103/GUQ-UBND ngày 27/7/2016*). 3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh T, chức vụ Phó Chủ tịch UBND thị xã A (*theo văn bản ủy quyền số 4079/QĐ-UBND ngày 26/7/2016*).

- Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Long H, chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã N (*theo văn bản ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 31/5/2016*).

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1961; trú tại địa chỉ: Tổ 73A, phường NTH, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1968; bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972; ông Nguyễn Mạnh H2, sinh năm 1964; cùng trú tại địa chỉ: Tổ 55, phường NTH, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị T1 ủy quyền cho ông Nguyễn Mạnh H2 (*theo văn bản ủy quyền số 900, 901, 902 ngày 20/3/2018*).

- Ông Phan Văn B, sinh năm 1965; trú tại địa chỉ: Thôn C, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Bà Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1972; trú tại địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Bà Lê Thị Kim A, sinh năm 1941; ông Lê Thanh H3, sinh năm 1945; bà Lê Thị Đ, sinh năm 1950; bà Lê Thị T2, sinh năm 1954; cùng trú tại địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện H, tỉnh Bình Định.

- Bà Phan Thị P, sinh năm 1926; trú tại địa chỉ: Đội 7 thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Bà P ủy quyền cho ông Phan Thanh C (*theo văn bản ủy quyền số 1892 ngày 06/6/2018*).

- Bà Võ Thị V, sinh năm 1955; ông Phan Thế L1, sinh năm 1977; ông Phan Thế P1, sinh năm 1981; cùng trú tại địa chỉ: Đội 7 thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Ông Phạm Tấn H4, sinh năm 1970; ông Lê Văn M; bà Phạm Thị Xuân Đ1, sinh năm 1968; cùng trú tại địa chỉ: Đội 7 thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Do có kháng cáo của người khởi kiện ông Phan Thanh C và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (*Nguyễn Mạnh H2, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị T1, Phan Thị P*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và trình bày tại phiên tòa, người khởi kiện ông Phan Thanh C trình bày thể hiện:

Thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.440m^2 tọa lạc tại thôn H, xã N, thị xã A (*số hiệu cũ: thửa số 391, tờ bản đồ số 1*) có nguồn gốc là đất hương hỏa của cụ Phan Q (ông nội ông Phan Thanh C) chết để lại. Năm 1980, UBND huyện A (*nay là UBND thị xã A*) thống nhất cấp cho ông Nguyễn Quang V1 500m^2 đất ở, gia đình ông V1 đã cất nhà ở, đồng thời đào giếng nước để sử dụng và hiện nay hiện trường cũ vẫn còn. Ngày 06/10/1998, UBND thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử đất số 00426/QSDĐ/I5 cho ông V1, diện tích 200m^2 đất ở và 970m^2 đất vườn. Ông V1, gia

đình ông C và tộc họ Phan sử dụng ổn định thửa đất nói trên (*trên đất có mồ mả*), không có tranh chấp quyền sử dụng đất từ trước cho đến năm 2001.

Ngày 18/5/2001, UBND huyện A ban hành Quyết định số 428/QĐ- UB về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426/QSDĐ/I5 ngày 06/10/1998 đã cấp cho ông V1. Ông Phan Thanh C và ông Nguyễn Mạnh H2 (*con ông Nguyễn Quang V1*) đã khiếu nại đòi quyền sử dụng đất và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 24/8/2007, Chủ tịch UBND huyện A ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1211/QĐ-UBND có nội dung không chấp nhận khiếu nại đòi đất của ông H2. Ngày 29/7/2008, UBND huyện A ban hành Quyết định số 1789/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 428/QĐ-UB ngày 18/5/2001 và Quyết định số 1791/QĐ- UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426/QSDĐ/I5 ngày 06/10/1998. Ngày 29/7/2008, Chủ tịch UBND huyện A ban hành Quyết định số 1790/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định giải quyết khiếu nại số 1211/QĐ- UBND ngày 24/8/2007.

Ông Phan Thanh C, ông Nguyễn Mạnh H2 đồng khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đối với hai ông Phạm Tấn H4 và ông Lê Văn M, nhưng tại Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2012/DS-PT ngày 15/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tuyên xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án với lý do yêu cầu khởi kiện của ông C không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Sau đó, ông Phan Thanh C liên tục có đơn khiếu nại gửi UBND các cấp. Ngày 27/3/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Công văn số 1208/UBND - TD về việc trả lời đơn của ông Phan Thanh C với nội dung không xem xét, giải quyết đối với khiếu nại đòi lại phần đất có diện tích 326,4m^2 thuộc thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Không đồng ý với nội dung trả lời nêu trên, ông Phan Thanh C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 1208/UBND - TD ngày 27/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định dựa trên các căn cứ sau:

- Không có căn cứ chứng minh Nhà nước đã thực hiện việc giao quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quang V1 tại thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.378,1m^2 tọa lạc tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Không có căn cứ chứng minh Nhà nước đã thực hiện việc thu hồi thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Không có căn cứ chứng minh hộ ông Phan Thanh C đã không tiến hành việc đăng ký, kê khai tại thửa số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, bởi vì thửa đất nói trên được gia đình ông C và ông Nguyễn Quang V1 đồng sử dụng. Ông V1 ra Bắc năm 1992 và chết năm 1995, tại thời điểm năm 1993 không có mặt ông V1 ở địa phương nên không thể tiến hành đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định. Sau đó, ông C và ông Nguyễn Mạnh H2 có tiến hành đăng ký kê khai quyền sử dụng đất nhưng bị UBND xã N và UBND huyện A gây khó khăn và từ chối.

- Ông Phan Thanh C không khiếu nại đòi lại phần đất có diện tích 500m^2 đã được cấp cho ông V1 trước ngày 15/10/1993.

Ngoài ra, ông Phan Thanh C còn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn M chuyển chậu mai ra khỏi phần đất có diện tích 90,1m^2/198,1m^2. Ông Phạm Tấn H4 chuyển chậu mai ra khỏi phần đất có diện tích 236,3m^2/520,3m^2. Vì không có giấy tờ chứng minh việc thuê đất hợp pháp và để cho gia đình ông C được sử dụng phần đất 326,4m^2 theo sơ đồ hiện trạng được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đo đạc ngày 19/10/2011.

2. Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, ông Trần C - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định trình bày:

Ông Trần C thống nhất như phần trình bày của ông Nguyễn Xuân S - Thanh tra viên chính, Trưởng phòng Phòng Thanh tra 3 - Thanh tra tỉnh Bình Định (*theo Giấy ủy quyền số 1554/GUQ-UBND ngày 27/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định*).

Thửa đất có diện tích 1.440m^2 tọa lạc tại thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định có nguồn gốc là của cụ Phan Q (*ông nội của ông Phan Thanh C*). Sau khi cụ Phan Q chết, ông Phan Thành M1 (*cha của ông Phan Thanh C*) tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 1979, ông Phan Thành M1 là xã viên Hợp tác xã nên đã đưa toàn bộ diện tích đất nói trên vào Hợp tác xã nông nghiệp N quản lý, sử dụng để gieo mạ.

Năm 1980, ông Nguyễn Quang V1 là cán bộ tập kết về quê sinh sống tại thôn H, xã N, huyện A, tỉnh Bình Định có làm đơn xin đất và được UBND huyện A cấp 500m^2 đất ở, phần còn lại là 940m^2 Hợp tác xã nông nghiệp N giao khoán cho Ông V1 để sản xuất. Năm 1983, thực hiện đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ, thửa đất trên có số hiệu 287, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.120m^2 do ông Nguyễn Quang V1 đứng tên sử dụng (*sau này được chỉnh lý thành thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.170m^2*). Thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, tháng 3/1994 huyện A triển khai việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Tại thời điểm này, ông Nguyễn Quang V1 không có mặt tại địa phương (*ông V1 ra lại miền Bắc ở với gia đình từ năm 1992, chết năm 1995*), ông Cao Hoàng Đức (*cháu ông V1*) có đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ghi ngày 03/3/1994. Theo đó, UBND xã N đã đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V1 và ngày 06/10/1998 UBND huyện A đã thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426/QSDĐ/I5 cho ông Nguyễn Quang V1 tại thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.170m^2 (*bao gồm 200m^2 đất ở và 970m^2 đất vườn*). Vì không biết ông V1 ở đâu nên hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên do UBND xã N lưu giữ.

Năm 2001, khi phát hiện ông V1 không có mặt ở địa phương và chết năm 1995, UBND xã N đã có Tờ trình số 19/TT-UB ngày 30/3/2001 về việc đề nghị UBND huyện A ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426/QSDĐ/I5 ngày 06/10/1998 đã cấp cho ông Nguyễn Quang V1. Ngày 18/5/2001, UBND huyện A ra Quyết định số 428/QD-UB về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên và giao UBND xã N quản lý 1.170m^2 đất thu hồi nêu trên.

Ngày 19/02/2004, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 91/QĐ-UB về việc thu hồi 11.636,5m^2 (*trong đó có 1.170m^2 đất thuộc thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại thôn H, xã N, huyện A, tỉnh Bình Định đã thu hồi của ông Nguyễn Quang V1 do UBND xã N đang quản lý*) giao cho UBND thị xã A quy hoạch khu dân cư tại xã N. UBND huyện A đã tiến hành lập quy hoạch chi tiết phân thành 06 lô đất/762,5m^2, ảnh hưởng mở đường 209,5m^2 để giao đất ở cho các hộ dân. Ngày 05/7/2001, ông Lê Văn M có đơn xin cấp đất xây dựng nhà ở đã được UBND xã N tổ chức họp xét và thống nhất đề nghị UBND huyện A giao cho hộ ông Lê Văn M 198m^2 đất ở trong hạn mức 200m^2 đất ở của thửa đất số 355, tờ bản đồ số 07. Ngày 26/11/2002, UBND huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02047QSDĐ/I5 cho ông Lê Văn M thửa số 355A, tờ bản đồ 07, diện tích 198m^2.

Năm 2005, ông Phan Thanh C có khiếu nại Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn M, Quyết định số 428/QĐ-UB ngày 18/5/2001 của UBND huyện A và đồng thời ông C khiếu nại đòi lại đất cũ đã giao cho người khác sử dụng. Do đó, UBND huyện A đã tạm dừng việc quy hoạch, tổ chức giao đất ở cho các hộ dân. Qua kết quả kiểm tra, ngày 15/11/2005, UBND huyện A ban hành Văn bản số 400/UBND-NC không xem xét nội dung khiếu nại của ông Phan Thanh C vì không có cơ sở.

Năm 2006, ông Nguyễn Mạnh H2 (*con ông Nguyễn Quang V1*) khiếu nại Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 18/5/2001 của UBND huyện A về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Quang V1. Ngày 24/8/2007, Chủ tịch UBND huyện A ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1211/QĐ-UBND có nội dung không chấp nhận khiếu nại đòi đất của ông H2. Qua quá trình xem xét, giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Mạnh H2, UBND huyện A rà soát lại nhận thấy lý do thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Quang V1 tại Quyết định số 428/QĐ-UB ngày 18/5/2001 là không đúng. Ngày 29/7/2008, UBND huyện A ban hành Quyết định số 1789/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 428/QĐ-UB ngày 18/5/2001 và Quyết định số 1791/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426/QSDĐ/I5 ngày 06/10/1998 với lý do không thể cấp Giấy chứng nhận cho người đã chết và vi phạm pháp luật về thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Và cùng ngày, Chủ tịch UBND huyện A ban hành Quyết định số 1790/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định giải quyết khiếu nại số 1211/QĐ-UBND ngày 24/8/2007.

Sau đó, ông Phan Thanh C nhiều lần có đơn khiếu nại với nội dung cũ, UBND huyện A đã nhiều lần trả lời đơn nhưng ông C không thống nhất. Ngày 15/4/2013, ông Phan Thanh C có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc đòi lại đất cũ diện tích 326,4m^2 thuộc thửa số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại thôn H, xã N, huyện A, tỉnh Bình Định. Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông C, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo, yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định và Thanh tra tỉnh Bình Định tiến hành kiểm tra, rà soát toàn bộ hồ sơ vụ việc, báo cáo và đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

Căn cứ khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003 quy định: *"Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền nam Việt nam và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"* và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định: *"Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất và không xem xét giải quyết khiếu nại về việc đòi lại đất mà Nhà nước đã giao cho người khác sử dụng theo chính sách ruộng đất trước ngày 15/10/1993"*. Việc ông Phan Thanh C đòi lại đất cũ có diện tích 326,4m^2 thuộc thửa số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại thôn H, xã N, huyện A vì cho rằng diện tích đất nói trên là của cụ Phan Q (*ông nội ông Phan Thanh C*) là không có cơ sở.

Từ những căn cứ nêu trên, ngày 27/3/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Công văn số 1208/UBND - TD về việc trả lời đơn của ông Phan Thanh C với nội dung không xem xét, giải quyết đối với khiếu nại đòi lại đất của ông Phan Thanh C là đúng quy định pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh C yêu cầu Tòa án hủy quyết định nói trên và công nhận cho gia đình ông C được quyền sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 326,4m^2 thuộc thửa số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại thôn H, xã N, huyện A.

3. Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Minh T - Phó Chủ tịch UBND thị xã A và ông Phan Long H - Phó Chủ tịch UBND xã N thống nhất trình bày:

Ông Lê Minh T và ông Phan Long H thống nhất như phần trình bày của ông Trần C - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về nguồn gốc, quá trình giao khoán, sử dụng thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại thôn H, xã N, huyện A và quá trình xem xét, giải quyết khiếu nại về việc đòi đất của các ông Phan Thanh C, Nguyễn Mạnh H2.

Căn cứ khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003 quy định: "*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền nam Việt nam và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"* và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định: "*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất và không xem xét giải quyết khiếu nại về việc đòi lại đất mà Nhà nước đã giao cho người khác sử dụng theo chính sách ruộng đất trước ngày 15/10/1993"*. Việc ông Phan Thanh C đòi lại đất cũ có diện tích 326,4m^2 thuộc thửa số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại thôn H, xã N, huyện A vì cho rằng diện tích đất nói trên là của cụ Phan Q (*ông nội ông Phan Thanh C*) là không có cơ sở.

Do đó, UBND thị xã A và UBND xã N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh C yêu câu Tòa án hủy Công văn số 1208/UBND - TD ngày 27/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc trả lời đơn của ông Phan Thanh C và công nhận cho gia đình ông C được quyền sử dụng hợp pháp phần đất

có diện tích 326,4m^2 thuộc thửa số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại thôn H, xã N, huyện A.

4. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Mạnh H2 thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Quang V1 (*chết*) và bà Kiều Thị T3 (*chết*) có 04 người con là Nguyễn Mạnh H2, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Thị T1. Ngoài ra, ông V1 và bà T3 không có con riêng hoặc con nuôi nào khác.

Năm 1980, ông Nguyễn Quang V1 là cán bộ tập kết về quê sinh sống tại thôn H, xã N, huyện A, tỉnh Bình Định có làm đơn xin đất và được UBND huyện A cấp 500m^2 đất ở. Gia đình ông V1 đã cất nhà ở, đồng thời đào giếng nước để sử dụng và hiện nay hiện trường cũ vẫn còn. Sau đó, UBND huyện A và UBND xã N đã tiến hành giao khoán đất hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V1 như thế nào gia đình ông V1 không biết.

Ngày 18/5/2001, UBND huyện A ban hành Quyết định số 428/QĐ- UB về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426/QSDĐ/I5 ngày 06/10/1998 đã cấp cho ông V1. Ông Nguyễn Mạnh H2 (*con ông Nguyễn Quang V1*) đã khiếu nại đòi quyền sử dụng đất và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 24/8/2007, Chủ tịch UBND huyện A ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1211/QĐ-UBND có nội dung không chấp nhận khiếu nại đòi đất của ông H2. Ngày 29/7/2008, UBND huyện A ban hành Quyết định số 1789/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 428/QĐ-UB ngày 18/5/2001 và Quyết định số 1791/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426/QSDĐ/I5 ngày 06/10/1998. Ngày 29/7/2008, Chủ tịch UBND huyện A ban hành Quyết định số 1790/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định giải quyết khiếu nại số 1211/QĐ-UBND ngày 24/8/2007.

Ông Phan Thanh C, ông Nguyễn Mạnh H2 đồng khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đối với hai ông Phạm Tấn H4 và Lê Văn M. Tòa án nhân dân thị xã A đã tách thành 02 vụ án và tại bản án phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tuyên xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án với lý do yêu cầu khởi kiện của ông C và ông H2 không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Mạnh H2 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh C yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 1208/UBND - TD ngày 27/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định. Ngoài ra, bà H1, ông S, bà T1 và ông H2 không có yêu cầu hay trình bày nào khác. Vì lý do ở xa nên bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị T1 đã có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, đối thoại và xét xử tại Tòa án nhân dân các cấp.

5. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phan Văn B, bà Phan Thị Mỹ L, bà Lê Thị Kim A, ông Lê Thanh H3, bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị T2 và bà Phan Thị P thống nhất trình bày:

Cụ Phan Q có 05 người con là:

- Phan Thành M1 (*chết*) – là con trai trưởng của cụ Phan Q.

- Phan Trừng (*chết*) - Vợ là Trương Thị Thải (c*hết*), có 01 người con duy nhất là Phan Văn B.

- Phan Lưu Luyến (c*hết*) - Vợ là Huỳnh Thị B (*chết*), có 01 người con duy nhất là Phan Thị Mỹ L.

- Phan Thị Qt (*chết*) - Chồng là Lê Thiệt (*chết*), có 04 người con là Lê Thị Kim A, Lê Thanh H3, Lê Thị Đ, Lê Thị T2.

- Phan Thị P.

Ngoài ra, cụ Phan Q không có con riêng hoặc con nuôi nào khác.

Thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.440m^2 tọa lạc tại thôn H, xã N, thị xã A (*số hiệu cũ: thửa số 391, tờ bản đồ số 1*) là đất hương hỏa của cụ Phan Q chết để lại. Sau khi cụ Phan Q chết, ông Phan Thành M1 (*cha ông Phan Thanh C*), ông Nguyễn Quang V1 và tộc họ Phan cùng nhau sử dụng ổn định, hợp pháp và không có ai tranh chấp thửa đất nói trên.

Ông Phan Văn B, bà Phan Thị Mỹ L, bà Lê Thị Kim A, ông Lê Thanh H3, bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị T2 và bà Phan Thị P thống nhất với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh C yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 1208/UBND - TD ngày 27/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định và công nhận cho gia đình ông C được quyền sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 326,4m^2 thuộc thửa số 355, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại thôn H, xã N, huyện A. Ngoài ra, không có yêu cầu yêu cầu hay trình bày nào khác.

Vì lý do ở xa, đi lại khó khăn nên ông Phan Văn B, bà Phan Thị Mỹ L, bà Lê Thị Kim A, ông Lê Thanh H3, bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị T2 và bà Phan Thị P xin vắng mặt tại các buổi làm việc, đối thoại, phiên tòa xét xử theo giấy triệu tập của Tòa án nhân dân các cấp.

6. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Võ Thị V, các ông Phan Thế L1, Phan Thế P1 thống nhất trình bày:

Bà V là vợ ông Phan Thanh C và các ông Phan Thế L1, Phan Thế P1 là con ông Phan Thanh C. Tại thời điểm Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Phan Thành M1 thì hộ gia đình ông M1 bao gồm có 05 người là Trần Thị Thạnh (*vợ ông M1*), Phan Thanh C, Võ Thị V, Phan Thế L1 và Phan Thế P1.

Bà Võ Thị V, các ông Phan Thế L1, Phan Thế P1 thống nhất với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh C yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 1208/UBND - TD ngày 27/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định và công nhận cho gia đình ông C được quyền sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 326,4m^2 thuộc thửa số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại thôn H, xã N, huyện A. Ngoài ra, không có yêu cầu hay trình bày nào khác.

Vì lý do ở xa, đi lại khó khăn nên bà Võ Thị V, các ông Phan Thế L1, Phan Thế P1 xin vắng mặt tại các buổi làm việc, đối thoại, phiên tòa xét xử theo giấy triệu tập của Tòa án nhân dân các cấp.

7. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Tấn H4 trình bày:

Diện tích đất ông Phạm Tấn H4 đang để chậu mai tại thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại thôn H, xã N, thị xã A là ông H4 thuê của UBND xã N từ năm 2003 cho đến nay và hàng năm đóng tiền thuê đất đầy đủ.

Đối với yêu cầu của ông Phan Thanh C yêu cầu ông Phạm Tấn H4 chuyển chậu mai ra khỏi phần đất có diện tích 236,3m^2/520,3m^2 ông H4 không đồng ý vì ông H4 đã thực hiện việc thuê đất của UBND xã N để mai là hợp pháp, ông C không có quyền yêu cầu ông H4 phải chuyển mai đi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh C yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 1208/UBND - TD ngày 27/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định và công nhận cho gia đình ông C được quyền sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 326,4m^2 thuộc thửa số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại thôn H, xã N, huyện A thì ông H4 không có ý kiến gì và yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Vì lý do ở xa, bận công việc làm ăn nên ông Phạm Tấn H4 xin vắng mặt tại các buổi làm việc, đối thoại, phiên tòa xét xử theo giấy triệu tập của Tòa án nhân dân các cấp.

8. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M và bà Phạm Thị Xuân Đ1 thống nhất trình bày:

Ngày 05/7/2001, ông Lê Văn M có đơn xin cấp đất xây dựng nhà ở đã được UBND xã N tổ chức họp xét và thống nhất đề nghị UBND huyện A giao cho hộ ông Lê Văn M 198m^2 đất ở trong hạn mức 200m^2 đất ở của thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7. Ngày 26/11/2002, UBND huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02047QSDĐ/I5 cho vợ chồng ông Lê Văn M, bà Phạm Thị Xuân Đ1 tại thửa số 355A, tờ bản đồ 7, diện tích 198m^2.

Năm 2003, ông Phạm Tấn H4 có thuê đất dự phòng của UBND xã N để bỏ mai. Trong khu đất ông H4 thuê có cái giếng của vợ chồng ông M, bà Đ1, nên ông H4 đã cắt phần đất có diện tích khoảng 90m2 để ông M, bà Đ1 bỏ mai. Hàng năm ông M, bà Đ1 trả tiền thuê đất cho ông H4.

Đối với yêu cầu của ông Phan Thanh C yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn M, bà Phạm Thị Xuân Đ1 chuyển chậu mai ra khỏi phần đất có diện tích 90,lm^2/198,lm^2 ông M và bà Đ1 không đồng ý vì ông C không có quyền yêu cầu ông M, bà Đ1 phải chuyển mai đi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh C yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 1208/UBND - TD ngày 27/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định và công nhận cho gia đình ông C được quyền sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 326,4m^2 thuộc thửa số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại thôn H, xã N, huyện A thì ông M, Đ1 không có ý kiến gì và yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Vì lý do ở xa, bận công việc làm ăn nên ông Lê Văn M, bà Phạm Thị Xuân Đ1 xin vắng mặt tại các buổi làm việc, đối thoại, phiên tòa xét xử theo giấy triệu tập của Tòa án nhân dân các cấp.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 11/2017/HC-ST ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tố

tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003; Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại ngày 11/11/2011.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh C yêu cầu Tòa án hủy bỏ Công văn số 1208/UBND-TD ngày 27/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/5/2017, ông Phan Thanh C kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Công văn số 1208/UBND-TD ngày 27/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn M chuyển chậu mai ra khỏi diện tích đất 198,1m2 (*đất của gia đình ông C*). Yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Tấn H4 chuyển chậu mai ra khỏi diện tích đất 520,3m2 (*đất của gia đình ông*).

Ngày 28/7/2017, ông Nguyễn Mạnh H2, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo và ngày 18/7/2017, bà Phan Thị P kháng cáo có cùng nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Công văn số 1208/UBND-TD ngày 27/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn M chuyển chậu mai ra khỏi diện tích đất 198,1m2 (*đất của gia đình ông C*). Yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Tấn H4 chuyển chậu mai ra khỏi diện tích đất 520,3m2 (*đất của gia đình ông*). Yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02047/QSDĐ/15 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 26/11/2002 diện tích 198m2 đất ở cho ông Lê Văn M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Phan Thanh C vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo không rút đơn kháng cáo và đều trình bày đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo hủy Công văn số 1208/UBND-TD ngày 27/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn M chuyển chậu mai ra khỏi diện tích đất 198,1m2 (*đất của gia đình ông C*). Yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Tấn H4 chuyển chậu mai ra khỏi diện tích đất 520,3m2 (*đất của gia đình ông*).

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm.

+ *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

+ *Về nội dung vụ án*: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai, thì việc ông Phan Thanh C khởi kiện đòi lại diện tích đất cũ có diện tích 326,4m2 thuộc thửa số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại thôn H, xã N, huyện A vì cho rằng diện tích đất nói trên là của cụ Phan Qúy (*ông nội ông Phan Thanh C*) là không có cơ sở. Do đó, Công văn số 1208/UBND-TD ngày 27/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành phù hợp với các quy định của pháp luật. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Thanh C, bà Phan Thị P, ông Nguyễn Mạnh H2, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị H1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 11/2017/HC-ST ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Sau khi nghe các bên đương sự trình bày, tranh luận, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*: Kháng cáo của ông Phan Thanh C, bà Phan Thị P, ông Nguyễn Mạnh H2, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị H1 trong thời hạn luật định do vậy được xem xét theo trình tự phúc thẩm.Tại phiên tòa phúc thẩm một số đương sự vắng mặt, tuy nhiên việc cấp tống đạt giấy triệu tập đều hợp lệ lần thứ hai do vậy căn cứ vào Điều 225 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt họ.

[2] *Xét kháng cáo của ông Phan Thanh C, ông Nguyễn Mạnh H2, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị H1, bà Phan Thị P thấy rằng*:

[2.1] Về nguồn gốc đất ông C khiếu nại đòi 326,4m2 tại thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định:

Diện tích 326,4m2 đất trong tổng diện tích 1.440m2 là của ông Phan Qúy (*ông nội ông Phan Thanh C*) sử dụng trước năm 1975, thể hiện tại thửa số 391, tờ bản đồ số 1 (*nay là thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định*). Sau khi ông Qúy chết, ông Phan Thành M1 là con ông Qúy tự nguyện đưa toàn bộ diện tích đất nêu trên vào Hợp tác xã năm 1979 theo chủ trương chung của Nhà nước. Nội dung này được thể hiện tại biên bản xác minh ngày 27/8/2005 gồm các thành phần Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, cán bộ địa chính xã, cán bộ địa chính – xây dựng xã đối với ông Lê Ba nguyên là Đội trưởng Đội sản xuất số 8 năm 1982 thể hiện: "*Nguyên thửa đất số 391 của ông Phan Q là ông nội ông Phan Thanh C. Vào năm 1979, Hợp tác xã*

thống nhất lúc bấy giờ là ông Lê Ngọc Q1 là Chủ nhiệm Hợp tác xã, ông Phan Thành M1 là con ông Phan Q và là cha của ông Phan Thanh C đã tự nguyện làm đơn vào Hợp tác xã (hiến đất cho Hợp tác xã) nguyên thửa đất nói trên" (*BL-167*).

Tại Biên bản làm việc giữa Thanh tra tỉnh Bình Định, cán bộ địa chính xã A với bà Nguyễn Thị H3 nguyên là Đội trưởng Đội sản xuất năm 1976 đến năm 1986, có sự chứng kiến của bà Lê Thị T3 là con dâu bà H3 thể hiện: "*Nguyên thửa đất 391, TBD 01 diện tích 1.440m2 của ông Phan Thành M1 (tục danh là đảm trai) tại thôn Hảo Đức, xã N. Năm 1979, ông Phan Thành M1 (cha ông Phan Thanh C) là xã viên Hợp tác xã N I, nên có đưa toàn bộ diện tích đất trên vào Hợp tác xã N I. Sau đó, Hợp tác xã N I đã xem xét điều kiện, giao cho ông Nguyễn Quang V1 diện tích 1 sào (500m2) đất để xây dựng nhà ở. Diện tích còn lại 760m2 hộ ông Phan Thành M1 tiếp tục quản lý sử dụng. Sau đó, ông Nguyễn Quang V1 chuyển ra ngoài Bắc sinh sống nên giao lại cho ông Cao Hoàng Đức (cháu ông V1) quản lý, Diện tích đất còn lại (có hàng tre) vẫn do hộ ông Phan Thành M1 sử dụng, còn về việc Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất như thế nào thì bà H3 không được biết*" (*BL-127, 128*).

Như vậy, có căn cứ khẳng định 326,4m2 trong tổng diện tích 1.440m2 đất của ông Phan Qúy tại thửa số 391, tờ bản đồ số 1 nay là thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định đã được con trai là ông Phan Thành M1 tự nguyện đưa vào Hợp tác xã nông nghiệp A quản lý, sử dụng.

[2.2] Đối với Công văn số 1208/UBND-TD ngày 27/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định:

Ngày 15/4/2013, ông Phan Thanh C gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, đòi lại đất cũ diện tích 326,4m2 thuộc thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Tại Công văn số 1208/UBND-TD ngày 27/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trả lời đơn của ông Phan Thanh C có nội dung: "*Diện tích 326,4m2 mà hiện nay ông khiếu nại thuộc thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã N, thị xã A có nguồn gốc của gia đình ông sử dụng trước 1975. Đến năm 1979, ông Phan Thành M1 (cha của ông) là xã viên Hợp tác xã nên đã đưa phần diện tích đất này vào Hợp tác xã nông nghiệp N quản lý, sử dụng. Trong quá trình thực hiện chính sách quản lý đất đai qua các thời kỳ từ năm 1980-2001, hộ gia đình ông đã được UBND huyện cân đối và giao quyền sử dụng thửa 159, TBĐ 07, diện tích 1716m2, loại đất lúa; thửa 176, TBĐ 07, diện tích 920m2 (đất ở 200m2 và đất vườn 720m2) và thửa số 400, TBĐ 07, diện tích 88m2, loại đất vườn. Diện tích đất ông khiếu nại đòi lại nêu trên, đã được cân đối giao quyền cho ông Nguyễn Quang V1 sử dụng và hiện nay phần diện tích đất này, UBND tỉnh đã có quyết định thu hồi và giao UBND thị xã A quy hoạch khu dân cư. Mặt khác, tại thời điểm đăng ký quyền sử dụng đất theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng chính phủ cho đến thời điểm triển khai cấp*

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo luật đất đai năm 1993, hộ ông Phan Thanh C không kê khai, đăng ký sử dụng thửa đất số 355, TBĐ 07... Do đó, việc ông Phan Thanh C khiếu nại đòi lại phần diện tích 326,4m2 đất thuộc thửa số 355, TBĐ 07 tọa lạc tại xã N, thị xã A là không có cơ sở để xem xét giải quyết".

Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 10/5/1996, do ông Phan Thanh C kê khai thể hiện: "*Tờ bản đồ số 7, số thửa 159, 176, 400, tổng diện tích 2.724m2. Hoàn toàn không thể hiện việc kê khai thửa 391, nay là thửa 355*" (*BL-121*).

Tại quyết định số 91/QĐ-UB ngày 19/02/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, về việc thu hồi 11.636,5m2 đất của 24 thửa đất, các bản đồ số 04, 07 xã A để quy hoạch khu dân cư và giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân xây dựng nhà ở ... (*BL-59*).

Như vậy, diện tích 326,4m2 tại thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định sau khi được ông Phan Thành M1 tự nguyện đưa vào Hợp tác xã nông nghiệp A quản lý, sử dụng đã được cân đối và giao cho ông Nguyễn Quang V1 sử dụng. Nay diện tích đất này đã bị thu hồi theo quyết định số 91/QĐ-UB ngày 19/02/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định để quy hoạch khu dân cư. Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã căn cứ vào khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003; khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 trả lời ông Phan Thanh C về việc khiếu nại đòi 326,4m2 đất cũ là không có cơ sở xem xét giải quyết là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2017/HC-ST ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử và quyết định là đúng pháp luật. Kháng cáo của ông Phan Thanh C, ông Nguyễn Mạnh H2, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị H1, bà Phan Thị P không có căn cứ, Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ngày 14/6/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành quyết định số 68/2018/QĐ-UTTA ủy thác cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.440m2 tọa lạc tại thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Ngày 10/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo quyết định ủy thác nêu trên. Chi phí do ông Phan Thanh C đã tạm ứng 5.000.000đ (*đã nộp và đã chi hết*). Do yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo của ông C không được Tòa án chấp nhận, nên ông Phan Thanh C phải chịu chi phí này theo quy định tại Điều 358 Luật tố tụng hành chính (*ông C đã nộp đủ*).

[4] Án phí hành chính phúc thẩm ông Phan Thanh C, ông Nguyễn Mạnh H2, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị H1, bà Phan Thị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Bác đơn kháng cáo của ông Phan Thanh C, ông Nguyễn Mạnh H2, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị H1, bà Phan Thị P. Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 11/2017/HC-ST ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 và Điều 358 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003; Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh C.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ông Phan Thanh C phải chịu 5.000.000đ (*đã nộp và đã chi hết*).

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phan Thanh C, ông Nguyễn Mạnh H2, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị H1, bà Phan Thị P mỗi người phải chịu 300.000đ. Được trừ vào số tiền ông C, ông H2, ông S, bà T1, bà H1, bà P đã nộp tạm ứng tại biên lai thu số 8010 ngày 05/6/2017; số 8050 ngày 25/7/2017; số 8059, số 8061, số 8062, số 8063 cùng ngày 08/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

TRẦN QUỐC CƯỜNG